

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON MĂNG NON II

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Măng Non II, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ (Từ 19 – 36 tháng)	Mẫu giáo (Từ 3 tuổi – 6 tuổi)
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được: Chất lượng chăm sóc của nhà trường nhằm hướng tới thực hiện đạt mục tiêu theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng lứa tuổi.	* Mục tiêu: Chương trình giáo dục trẻ từ 19 tháng đến 36 tháng nhằm phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và thẩm mỹ. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay ngón tay. - Có khả năng làm được 1 số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự thay đổi của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ:	* Mục tiêu: Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở Tiểu học. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ: - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau.

		- Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu của biệp đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. IV. Phát triển thẩm mỹ: - Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
II	Chương trình giáo dục Mầm non nhà trường thực hiện.	- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi bổ sung một số nội dung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển (Năm học: 2021 – 2022)	I. Phát triển thể chất: - 97,1 % trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 100% thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - 94% trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - 75% trẻ có khả năng phối hợp khéo léo của động bàn tay ngón tay. - 89% trẻ có khả năng làm được 1 số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	I. Phát triển thể chất: - 91,3% trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 92% trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - 91,5% trẻ thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - 89,5% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - 80,9% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - 95,3% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - 100% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân.

	II. Phát triển nhận thức: - 100% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - 100% trẻ có sự thay đổi của các giác quan. - 82,5% trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - 90% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ: - 100% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - 81% trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - 87% trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - 90% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - 100% trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: - 97% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - 92% trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - 95% trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - 75% trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	II. Phát triển nhận thức: - 98,7% trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - 97,1% trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - 98,7% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - 96,1% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ: - 100% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - 98,7% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau. - 94% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống bằng ngày. - 80% trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - 90,1% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - 93,3% trẻ có một số kỹ năng ban đầu của biệc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - 100% trẻ có ý thức về bản thân. - 97,1% trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - 95,1% trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - 95,7% trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - 93,7% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. IV. Phát triển thẩm mỹ: - 100% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - 89,5% trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - 91,1% trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
--	---	---

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.	- Chăm sóc vệ sinh: + Vệ sinh cá nhân trẻ: Lau mặt, rửa tay, chải răng, vệ sinh khi “đi bô”.... + Vệ sinh phòng (nhóm, lớp): Thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi... theo lịch quy định. + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh trong và xung quanh trường. - Theo dõi thể lực, sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Quản lý tiêm chủng đúng lịch. - Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm học. (Trong năm học này chỉ khám sức khỏe có 1 lần do dịch bệnh nên thời gian nghỉ kéo dài). - Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra ở trường. - Phòng và xử lý các bệnh dịch. - Chế độ sinh hoạt: Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. - Chế độ dinh dưỡng: + Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ. + Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, muối khoáng, sinh tố. + Hằng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là vào mùa hè. + Đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ. + Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon miệng và ăn hết suất. - Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi trong lớp, vui chơi ngoài trời và các hoạt động theo ý thích của trẻ. - Tổ chức hoạt động tại các phòng chức năng: Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện...
----	---	--

Quận 10, ngày 30 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON MĂNG NON II

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế của trường MN Măng non II,
Năm học 2021 - 2022**

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	331		27	40	72	89	103
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	331		27	40	72	89	103
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	331		27	40	72	89	103
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	331		27	40	72	89	103
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	331		27	40	72	89	103
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường.	262		24	34	61	65	78
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân.	01		0	0	0	01	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường.	330		27	40	71	89	103
4	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi.	01		0	0	01	0	0
5	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể còi.	0		0	0	0	0	0
6	Số trẻ em thừa cân, béo phì.	68		03	06	11	23	25
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ.	67		27	40	/	/	/
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo.	264		/	/	72	89	103

Quận 10 ngày 30 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thu Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

TRƯỜNG MẦM NON MĂNG NON II

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Măng non II
Năm học 2021 - 2022**

S TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	10,3m ² /trẻ em (TC: 331 trẻ)
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.411m ²	10,3m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.272m ²	3,8m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	687,5m ²	2,1m ² /trẻ
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	Từ 29,6m ² – 77,7 m ²	2,1m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Từ 29,6m ² – 77,7m ²	Diện tích phòng ngủ là phòng sinh hoạt chung
3	Diện tích phòng vệ sinh trẻ (m ²)	Từ 4,1m ² - 66,6m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	345m ²	1,0m ² /trẻ
5	Diện tích nhà bếp (m ²) Diện tích kho (m ²)	147,8m ² 3,38 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11 bộ	11 bộ/11 nhóm, lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu có theo quy định.	11 bộ	11 bộ/11 nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu có theo quy định.	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	55 đồ chơi	55 đồ chơi/sân trường và sân thượng

XI	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	29	- Máy vi tính: 19 - Máy chiếu: 01 - Bảng tương tác: 01 - Bảng thông minh: 01 - Bảng tương tác Efun: 02 - Máy in: 10
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		-Số thiết bị/nhóm,lớp
1	Ti vi	14	- Mỗi nhóm, lớp một ti vi
2	Nhạc cụ (Đàn organ, guitar, trống...)	14	- 09 đàn organ - 01 đàn guitar - 01 đàn ukulele - 01 trống - 01 đàn đá - 01 bộ gõ
3	Máy photocopy	01	
5	Cassettes	11	-Mỗi lớp 1 cassettes
6	Đầu Video/đầu đĩa	01	
7	Thiết bị khác	01	- 01 máy scan
8	Bàn ghế đúng quy cách	-Bàn:150 -Ghế: 450	- 01 trẻ/ghế - 02 trẻ/bàn
9	Camera an ninh	01	- 16 máy
10	Máy lạnh tại các phòng và các nhóm, lớp.	21	- Mỗi nhóm, lớp/01 máy lạnh.

Số lượng (m ²)						
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho CB-GV-NV	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12+2	12+2	-Bồn tiểu nam:02 cái/ lớp MG -Nhà VS:04 cái/ lớp MG và 3 cái/ nhóm NT	0,25 – 0,4 m ² /trẻ	

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *	0	0			
---	--------------------------	---	---	--	--	--

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	...		

Quận 10, ngày 30 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON MĂNG NON II

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường MN Măng non II

Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (HT – PHT và Giáo viên)			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	Mới tuyển dụng
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36+5*		02	23	05	02	09	0	06	22	22	04	0	02
I	Cán bộ quản lý	03		02	01					02	01	03			
1	Hiệu trưởng	01		01						01		01			
2	Phó Hiệu trưởng	02		01	01					01	01	02			
II	Giáo viên	25			21	04			0	04	21	19	04	0	02
1	Nhà trẻ	06			06	0			0	0	06	05	01	0	
2	Mẫu giáo	19			15	04			0	04	15	14	03	0	02
III	Nhân viên	08			0	01	02	09	/	/	/	/	/	/	/

1	Nhân viên văn thư + thủ quỹ	01					01								
2	Nhân viên y tế	01				01									
3	Nhân viên nấu ăn	04						04							
4	Nhân viên bảo vệ	02						02							
5	Nhân viên phục vụ	0						0							
IV	Nhân viên hợp đồng khoán	05			01										
1	Nhân viên kế toán	01			01										
2	Nhân viên nấu ăn	01					01								
3	Nhân viên phục vụ	03						03							

Quận 10 ngày 30 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Lan